DANH SÁCH THÔN QUANG THÀNH									
STT	**SỐ TỜ BẢN ĐỒ**	**tờ 3 cấp**	**Thửa**	**MÃ XÃ**	**MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG**	**DIỆN TÍCH**	**CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT**	**THÔN CŨ**	**Ghi chú**
2786	122	29	119	18673	ONT+CLN	646,2	Nguyễn Thị Phin	5	
2780	122	29	138	18673	ONT+CLN	499,7	Hoàng Trung Thông	5	
2777	122	29	13	18673	ONT+CLN	364,4	Nguyễn Thị Việt	5	
2788	122	29	152	18673	ONT+CLN	200,7	Nguyễn Văn Châu	5	
2789	122	29	38	18673	ONT+CLN	463,3	Nguyễn Văn Ly	5	
2779	122	29	96	18673	ONT+CLN	685,2	Đặng Thị Hường	5	
2795	123	30	10	18673	ONT+CLN	729,2	Nguyễn Văn Hảo	5	
2803	123	30	110	18673	ONT+CLN	1071,8	Nguyễn Văn Toản(Toản)	5	
2791	123	30	13	18673	ONT+CLN	334,9	Nguyễn Văn Lành	5	
2809	123	30	14	18673	ONT+CLN	313,9	Nguyễn Văn Dũng	5	
2804	123	30	25	18673	ONT+CLN	487,6	Nguyễn Văn Chuân	5	
2797	123	30	37	18673	CLN	363,5	Nguyễn Văn Thắng	5	
2805	123	30	64	18673	ONT+CLN	157,4	Lê Thị Thành	5	
2826	125	32	100	18673	ONT+CLN	251,7	Nguyễn Văn Hạnh	6	
2828	125	32	101	18673	ONT+CLN	275,9	Nguyễn Văn Hạnh	6	
2821	125	32	26	18673	ONT+CLN	612,4	Nguyễn Văn Thực	6	
2817	125	32	40	18673	ONT+CLN	113,8	Nguyễn Văn Chính	6	
2827	125	32	43	18673	ONT+CLN	390,5	Nguyễn Văn Thường	6	
2824	125	32	47	18673	ONT+CLN	161,8	Nguyễn Văn Thường	6	
2818	125	32	56	18673	ONT+CLN	486,2	Nguyễn Thái Từ	6	
2825	125	32	64	18673	ONT+CLN	1285,9	Đặng Thị Tương	6	
2820	125	32	79	18673	ONT+CLN	916,5	Nguyễn Văn Thịnh	6	
2819	125	32	89	18673	ONT+CLN	444,0	Nguyễn Văn Cường	6	
2823	125	32	8	18673	ONT+CLN	402,1	Nguyễn Văn Nhuần	6	
2848	126	33	10	18673	ONT+CLN	421,7	Nguyễn Văn Thảo	6	
2844	126	33	111	18673	ONT+CLN	548,0	Nguyễn Hữu Tiến	6	

2836	126	33	116	18673	ONT+CLN	396,6	Nguyễn Văn Thọ	6	
2833	126	33	120	18673	ONT+CLN	562,8	Lê Thị Lân	6	
2845	126	33	121	18673	ONT	284,6	Nguyễn Văn Thịnh	6	
2830	126	33	122	18673	ONT	286,4	Nguyễn Văn Hoan	6	
2843	126	33	123	18673	ONT	254,2	Nguyễn Văn Chuyên	6	
2834	126	33	125	18673	ONT+CLN	796,4	Nguyễn Văn Lục	6	
2864	126	33	136	18673	ONT	238,2	Nguyễn Văn Ngọ	6	
2831	126	33	138	18673	ONT	275,4	Nguyễn Thị Đảm	6	
2837	126	33	162	18673	ONT+CLN	940,4	Đặng Quốc Hiếu	6	
2853	126	33	164	18673	ONT+CLN	825,2	Lê Thị Tiến	6	
2854	126	33	173	18673	ONT+CLN	804,1	Nguyễn Văn Nghĩa	6	
2858	126	33	34	18673	ONT+CLN	504,8	Đặng Hiệu	6	
2859	126	33	37	18673	ONT+CLN	426,9	Nguyễn Thị Chuyên	6	
2850	126	33	41	18673	ONT+CLN	418,8	Đặng Thị Thuận	6	
2860	126	33	48	18673	ONT	287,5	Đặng Thị Thuận	6	
2861	126	33	57	18673	ONT	194,3	Nguyễn Văn Hòa	6	
2840	126	33	60	18673	CLN	196,7	Lê Văn Bộ	6	
2855	126	33	62	18673	ONT	209,4	Lê Văn Bộ	6	
2835	126	33	65	18673	ONT+CLN	763,9	Nguyễn Thị Đào	6	
2856	126	33	70	18673	ONT+CLN	449,0	Đặng Ngọc Thạch	6	
2841	126	33	77	18673	ONT+CLN	1303,2	Nguyễn Văn Lợi	6	
2862	126	33	82	18673	ONT+CLN	358,2	Đặng Hữu Huy	6	
2832	126	33	90	18673	ONT+CLN	274,5	Đặng Hữu Hùng	6	
2863	126	33	93	18673	ONT+CLN	443,4	Đặng Hữu Quang	6	
2829	126	33	94	18673	ONT+CLN	380,1	Đặng Quốc Hường	6	
2847	126	33	9	18673	ONT+CLN	381,4	Nguyễn Văn Thảo	6	
2898	128	35	2	18673	ONT+CLN	1330,3	Đặng Thị Tần	6	
2896	128	35	4	18673	ONT+CLN	832,8	Nguyễn Văn Cừ	6	
2899	128	35	7	18673	ONT+CLN	854,6	Nguyễn Văn Danh<Hiền>	6	
2911	129	36	35	18673	ONT+CLN	643,8	Nguyễn Văn Phúc	6	
2903	129	36	8	18673	ONT+CLN	380,5	Nguyễn Văn Pháp (ko cần nữa	6	
2814	124	31	125	18673	ONT+CLN	390,0	Nguyễn văn Tịnh	7	

2813	124	31	81	18673	ONT+CLN	399,5	Nguyễn Văn Liêm	7	
2881	127	34	108	18673	ONT+CLN	1136,8	Hoàng Văn Thiệu	7	
2877	127	34	10	18673	ONT+CLN	706,2	Nguyễn Văn Khôi	7	
2865	127	34	127	18673	ONT	220,8	Nguyễn Thị Hân	7	
2878	127	34	13	18673	ONT	281,2	Nguyễn Văn Duẫn	7	
2882	127	34	146	18673	CLN	171,5	Nguyễn Thị Văn	7	
2873	127	34	14	18673	ONT	148,0	Lê Duy Hiền	7	
2870	127	34	154	18673	CLN	411,2	Nguyễn Văn Nga	7	
2867	127	34	170	18673	CLN	138,5	Hoang Văn Đỉnh	7	
2883	127	34	176	18673	CLN	791,7	Nguyễn Văn Quế	7	
2875	127	34	17	18673	ONT+CLN	160,6	Nguyễn Văn Thái	7	
2874	127	34	197	18673	CLN	83,7	Nguyễn Thị Xoan	7	
2871	127	34	202	18673	ONT+CLN	416,0	Nguyễn Văn Phấn	7	
2884	127	34	209	18673	ONT+CLN	1444,8	Nguyễn Văn Lịch	7	
2872	127	34	215	18673	CLN	105,3	Lê Thị Miên	7	
2868	127	34	72	18673	ONT+CLN	1168,1	Nguyễn Văn Thiện	7	
2885	127	34	80	18673	ONT+CLN	540,9	Nguyễn Văn Duẫn	7	
2886	127	34	93	18673	ONT+CLN	507,7	Nguyễn Quang Sáng	7	
2869	127	34	94	18673	ONT	239,4	Hoàng Văn Quân	7	
2901	128	35	117	18673	ONT+CLN	860,9	Nguyễn Duy Bính	7	
2892	128	35	132	18673	ONT+CLN	350,8	Nguyễn Tiến Dung	7	
2895	128	35	154	18673	ONT+CLN	1247,7	Hoàng Văn Cường	7	
2893	128	35	164	18673	ONT+CLN	2181,6	Hoàng Văn Thiển	7	
2897	128	35	16	18673	CLN	81,2	Nguyễn Thị Vinh	7	
2889	128	35	32	18673	ONT+CLN	309,9	Nguyễn Văn Ngọc	7	